TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **327**/2026/DS-ST
Ngày: 20-7-2026
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Nguyệt Thu.

2. Ông Huỳnh Thế Cần.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà La Nguyễn Minh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tham gia phiên tòa*:** Bà Phan Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2026 tại Toà án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: số 641/2026/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2026, về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 444/2026/QĐXXST-DS ngày 18/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2450/2026/QĐST-DS ngày 06/7/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: số B N, phường C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Trung N – Chức vụ: Phó Giám đốc Khối Quản lý và T cấu trúc Tài sản.

Người được ủy quyền lại:

1. Ông Trương Văn T1, sinh năm 1983.
2. Ông Y Wăn Buôn K, sinh năm 1994.
3. Ông Trần V, sinh năm 1990.

4. Ông Võ Hoàng N1, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ liên hệ: Ngân hàng TMCP Đ, Lầu 2, số B L, phường N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Văn bản ủy quyền ngày 12/5/2026.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1972.

Địa chỉ: I, khu phố E, phường L, thành phố Đ (khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cũ).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc V1, sinh năm 1965.

Địa chỉ: I, khu phố E, phường L, thành phố Đ (khu phố A, phường L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cũ).

Văn bản ủy quyền ngày 08/5/2026.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 8 đường D, khu phố G, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh cũ).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H: Luật sư Nguyễn Hùng Phi K1, sinh năm 1978 – Đoàn luật sư thành phố H.

(Ông Y W, ông V1, bà H, ông K1 có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP Đ và bà Nguyễn Thị B có ký hợp đồng cho vay số 0607/2017/HĐTD/PVB-CN.GĐ ngày 05/7/2017, cụ thể: số tiền vay 647.000.000đ, ngày giải ngân 06/7/2017, mục đích vay: mua xe, thời hạn cho vay 72 tháng, lãi suất 8,49%/năm. Sau khi được giải ngân, bà B đã trả được cho Ngân hàng số tiền 598.416.739đ, trong đó nợ gốc là 402.785.069đ, nợ lãi là 195.631.670đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng đã gửi thông báo về việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán và thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay của bà B nhưng bà B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà B thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 20/7/2026 là 509.478.064đ, trong đó nợ gốc là 244.214.931đ, lãi trong hạn 44.717.649đ, lãi quá hạn 207.366.462đ, lãi chậm trả 13.179.022đ và yêu cầu bà B tiếp tục thanh toán lãi từ ngày 21/7/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng. Trường hợp bà Nguyễn Thị B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa

vụ thanh toán cho Ngân hàng thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số loại Colorado LTZ, biển số 60C-360.20.

Tại bản tự khai, tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ngày 05/7/2017, bà Nguyễn Thị B có ký hợp đồng tín dụng số 0607/2017/HĐTD/PVB-CN.GĐ với Ngân hàng TMCP Đ, tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số loại Colorado LTZ, biển số 60C-360.20. Từ khi vay đến ngày 16/4/2020 bà B đã thanh toán gốc lãi đầy đủ cho Ngân hàng, tổng số nợ gốc còn lại là 387.192.711đ. Đến ngày 16/4/2020 bà B chuyển nhượng chiếc xe thế chấp trên cho bà Trần Thị Thu H và bà H tiếp tục đóng số tiền còn lại cho Ngân hàng cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Bà H được bà B ủy quyền toàn quyền làm việc với Ngân hàng và làm thủ tục nhận lại hồ sơ thế chấp và sang tên xe cho bà H. Bà B không biết việc bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán với Ngân hàng cho đến khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, bà B có ý kiến: Bà B đồng ý thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến ngày 20/7/2026 là 509.478.064đ, trong đó nợ gốc là 244.214.931đ, lãi trong hạn 44.717.649đ, lãi quá hạn 207.366.462đ, lãi chậm trả 13.179.022đ. Đồng ý tiếp tục trả lãi quá hạn theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng vay nêu trên, kể từ ngày 21/7/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trong trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng, đồng ý phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số loại Colorado LTZ, biển số 60C-360.20. Trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thi hành án, đề nghị bà Trần Thị Thu H thanh toán số tiền còn lại cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai, tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị Thu H trình bày:

Bà H có quen biết ông Hoàng Đình C (đã chết) và ông C nói sẽ bán xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số loại Colorado LTZ, biển số 60C-360.20 cho bà H. Bà H đã trả cho ông C số tiền 730.000.000đ. Tuy nhiên, sau đó bà H được biết xe là của bà Nguyễn Thị B và xe đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Đ. Do sợ bà B lấy lại xe trong khi đã trả nhiều tiền cho ông C, bà H đồng ý trả lãi cho Ngân hàng để ông C khi nào có tiền thì trả lại cho bà. Do đó, bà H đồng ý ký văn bản ủy quyền để trả nợ cho Ngân hàng và giấy mua bán xe. Bà H đã trả tiền gốc, lãi cho Ngân hàng từ ngày 16/4/2020 đến đầu năm 2022 thì không tiếp tục thanh toán do ông C không trả tiền cho bà. Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Chevrolet, số loại Colorado LTZ, biển số 60C-360.20 hiện nay bà H đang quản lý, sử dụng. Nay Ngân hàng khởi kiện bà H đồng ý giao xe cho Ngân hàng thanh lý thu hồi nợ.

Đối với ý kiến bị đơn về việc đề nghị bà thanh toán số tiền còn thiếu trong trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thi hành án thì bà không đồng ý.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng các thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tính đến ngày 20/7/2026 là 509.478.064đ, trong đó nợ gốc là 244.214.931đ, lãi trong hạn 44.717.649đ, lãi quá hạn 207366462đ, lãi chậm trả 13.179.022đ và tiếp tục trả khoản lãi phát sinh kể từ ngày 21/7/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận.

Trường hợp bà Nguyễn Thị B không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng được quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp trên để thu hồi toàn bộ nợ vay.

Đối với yêu cầu của bà B đối với bà H, bà B có quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ý kiến người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chiếc xe ô tô hiệu CHEVROLET COLORADO LTZ, màu nâu, số khung MMM148MK0HH636390, số máy: FX3G170191336, biển kiểm soát: 60C-360.20 đang là tài sản thế chấp tại Ngân hàng nên hợp đồng mua bán giữa bà B và bà H là vô hiệu. Theo quy định pháp luật thì hợp đồng ủy quyền giữa bà B và bà H chỉ là bà H nhân danh bà B thanh toán nợ cho Ngân hàng, ngoài ra Ngân hàng cũng không có văn bản đồng ý về việc bà H là người thanh toán nợ. Do đó, ý kiến của ông V1 về việc trường hợp tài sản thế chấp không đủ để thi hành án thì bà H có nghĩa vụ thanh toán nợ thì bà H không đồng ý. Bà H có thiện chí giao lại tài sản thế chấp để Ngân hàng thực hiện việc thanh lý tài sản. Về việc bà H đã trả tiền cho ông C và đóng một phần tiền cho Ngân hàng thay bà B thì bà H sẽ khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị B thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và lãi tại các hợp đồng tín dụng. Căn cứ khoản 7, 38 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định Ngân hàng TMCP Đ là nguyên đơn, bà Nguyễn Thị B là bị đơn, bà Trần Thị Thu H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Mục H hợp đồng cho vay các bên thỏa thuận, hai bên thỏa thuận lựa chọn giải quyết tranh chấp tại Tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn (trong trường hợp nguyên đơn là cá nhân) hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn (trong trường hợp nguyên đơn là tổ chức). Trụ sở của Ngân hàng được hiểu là trụ sở chính hoặc trụ sở của Phòng giao dịch hoặc Chi nhánh đã ghi tại phần giới thiệu hợp đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai giải quyết vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai theo Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về yêu cầu nợ gốc: Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị B phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền vay tính đến 20/7/2026 là 509.478.064đ, trong đó nợ gốc là 244.214.931đ, lãi trong hạn 44.717.649đ, lãi quá hạn 207366462đ, lãi chậm trả 13.179.022đ và yêu cầu bà B tiếp tục thanh toán lãi từ ngày 21/7/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn cung cấp bản sao các tài liệu, chứng cứ gồm: Hợp đồng cho vay số 0607/2017/HĐTD/PVB-CN.GĐ ngày 05/7/2017 và khế ước nhận nợ.

Căn cứ hợp đồng tín dụng nhận thấy, giữa Ngân hàng TMCP Đ và bà Nguyễn Thị B có phát sinh quan hệ tín dụng. Cụ thể: Hợp đồng cho vay số 0607/2017/HĐTD/PVB-CN.GĐ ngày 05/7/2017: Ngân hàng cho bà B vay số tiền 647.000.000đ, thời hạn cho vay 72 tháng, mục đích vay mua xe ô tô. Ngân hàng đã giải ngân cho bà B số tiền trên.

Mục C.3 bản điều khoản và điều kiện cấp tín dụng có nội dung: Khi bên

vay không trả được bất kỳ khoản nợ gốc hoặc lãi nào đến hạn, Ngân hàng sẽ thực hiện chuyển khoản nợ theo hợp đồng thành khoản nợ quá hạn theo hướng dẫn của Ngân hàng N2 trong từng thời kỳ. Khi chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng sẽ thông báo cho bên vay về số dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn và lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị quá hạn.

Xét thấy, quá trình thực hiện hợp đồng, bà B vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Ngân hàng đã yêu cầu bà B thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng. Tuy nhiên, tính đến nay bà B vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả toàn bộ nợ gốc, nợ lãi cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ buộc bị đơn bà Nguyễn Thị B phải thanh toán số nợ gốc số tiền 244.214.931đ (hai trăm bốn mươi bốn triệu hai trăm mười bốn nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu về tiền lãi: Tại khế ước nhận nợ ngày 06/7/2017 các bên thỏa thuận lãi suất tại thời điểm giải ngân 8,49%/năm áp dụng trong 12 tháng đầu kể từ ngày giải ngân, lãi suất được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất tiền gửi cộng biên độ 4,3%/năm.

Theo Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm quy định: *2. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 được xác định như sau: a) Lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này; b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn*. Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (có hiệu lực thời điểm ký hợp đồng tín dụng) quy định: *Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*.

Xét thấy, việc thỏa thuận lãi của các bên là tự nguyện. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và gốc. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ buộc bà Nguyễn Thị B phải thanh toán toàn bộ số tiền tính đến ngày 20/7/2026 là 509.478.064đ, trong đó nợ gốc là 244.214.931đ, lãi trong hạn 44.717.649đ, lãi quá hạn 207.366.462đ, lãi chậm trả 13.179.022đ và yêu cầu bà B tiếp tục thanh toán lãi từ ngày 21/7/2026 cho đến khi thanh toán xong nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Điều 4.1.3 các hợp đồng tín dụng, Điều 1.1 hợp đồng thế chấp các bên thỏa thuận: Tài sản, biện pháp bảo đảm gồm: xe ô tô hiệu CHEVROLET COLORADO LTZ, màu nâu, số khung MMM148MK0HH636390, số máy: FX3G170191336, biển kiểm soát: 60C-360.20.

Theo khoản 6 Điều 320 Bộ luật dân sự quy định: *Bên thế chấp có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp để xử lý khi thuộc một trong các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm quy định tại Điều 299 Bộ luật này*. Khoản 2 Điều 299 Bộ luật dân sự quy định các trường hợp xử lý tài sản bảo đảm là khi: *Bên có nghĩa vụ phải thực hiện nghĩa vụ được bảo đảm trước thời hạn do vi phạm nghĩa vụ theo thỏa thuận*. Điểm c khoản 2 Điều 324 Bộ luật dân sự quy định: *Người thứ ba giữ tài sản thế chấp có nghĩa vụ giao lại tài sản thế chấp cho bên nhận thế chấp hoặc bên thế chấp theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật*.

Xét việc ký kết hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng TMCP Đ và bà Nguyễn Thị B là tự nguyện và đúng quy định pháp luật. Sau khi thế chấp, các bên đã thực hiện đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay, tài sản thế chấp do người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trần Thị Thu H đang quản lý sử dụng. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng đồng ý giao tài sản thế chấp cho Ngân hàng để phát mãi thi hành án. Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ về việc trường hợp bà Nguyễn Thị B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là xe ô tô hiệu CHEVROLET, số loại COLORADO LTZ, màu nâu, số khung MMM148MK0HH636390, số máy: FX3G170191336, biển kiểm soát: 60C-360.20. Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 074208 do Phòng C1 - Công an thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị B là có cơ sở chấp nhận.

Đối với ý kiến bà B về việc trường hợp phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thi hành án, đề nghị bà Trần Thị Thu H có nghĩa vụ thanh toán số tiền còn lại cho Ngân hàng, do bà B đã chuyển nhượng tài sản thế chấp cho bà H, bà H sử dụng từ ngày 16/4/2020 đến nay và bà B đã ủy quyền cho bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình giải quyết vụ án, bà B cung cấp hợp đồng mua bán tài sản thế chấp giữa bà B với bà Trần Thị Thu H, hợp đồng ủy quyền của bà B cho bà H để thực hiện nghĩa vụ trả nợ và tất toán khoản vay của bà B tại Ngân hàng. Tuy nhiên khi ký hợp đồng mua bán xe và văn bản ủy quyền, bà B và bà H không thông báo cho Ngân hàng. Ngân hàng cũng không có văn bản về việc đồng ý cho bà H là người tiếp tục thực hiện hợp đồng tín dụng. Bà Nguyễn Thị B là người ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng và Ngân hàng cũng xác định

khởi kiện yêu cầu bà B thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng, không yêu cầu đối với bà H. Do đó, ý kiến bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Đối với ý kiến bà B về việc yêu cầu bà H có nghĩa vụ với bà B về việc đã sử dụng tài sản thế chấp, bà B có quyền khởi kiện vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 24.379.123đ (20.000.000đ + 4% x (509.478.064đ – 400.000.000đ)). Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai tại phiên tòa về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[5] Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 30, 35, 39, 68, khoản 1 Điều 147, Điều 157, 158, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 299, 320, 324, 357 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024;

- Áp dụng Điều 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Đ đối với bị đơn bà Nguyễn Thị B về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng".

Buộc bà Nguyễn Thị B phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền tính đến ngày 20/7/2026 là 509.478.064đ (năm trăm lẻ chín triệu bốn trăm bảy mươi tám ngàn không trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 244.214.931đ, lãi trong hạn 44.717.649đ, lãi quá hạn 207.366.462đ, lãi chậm trả 13.179.022đ.

Kể từ ngày 21/7/2026, bà Nguyễn Thị B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong.

2. Trường hợp bà Nguyễn Thị B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần Đ có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản bảo đảm là: xe ô tô hiệu CHEVROLET, loại COLORADO LTZ, màu nâu, số khung MMM148MK0HH636390, số máy: FX3G170191336, biển kiểm soát: 60C-360.20. Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 074208 do Phòng C1 - Công an thành phố Đ cấp cho bà Nguyễn Thị B ngày 06/7/2017.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị B phải chịu 24.379.123đ (hai mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi chín ngàn một trăm hai mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần Đ số tiền 11.536.654đ (mười một triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn sáu trăm năm mươi bốn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006907 ngày 27/3/2026 của Thi hành án Dân sự thành phố Đ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự TP. Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Thị Thanh Thủy